

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 27-4-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy

Ông Trần Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 04/01/2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-ST ngày 19/01/2023, số 04/2023/QĐ-ST ngày 17/02/2023, số 06/2023/QĐ-ST ngày 16/3/2023 và số 10/2023/QĐ-ST ngày 04/04/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: tầng 1 và tầng 2 Tòa nhà S, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C – Chức vụ: giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng Bán lẻ; địa chỉ: tầng M, tòa nhà H, số 25 L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người được ông Trần Thành C ủy quyền lại: ông Nguyễn Hồng Đ, ông Nguyễn Văn G và ông Lê Anh N – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (ông Đ, ông N vắng mặt; ông G có mặt).

2. Bị đơn: Anh Ngô Phi H; sinh năm: 1980; nơi thường trú: tổ 3, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: khu Đ, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là V) trình bày:

Ngày 30/8/2019, V ký hợp đồng tín dụng số 348.HĐTD1.010.19 với anh Ngô Phi H thỏa thuận V cho anh H vay số tiền 700.000.000 đồng, mục đích thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER BKS 14C-280.02, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày 31/8/2019 đến 30/8/2027, lãi suất: 9,5%/12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, hết 12 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe ô tô trên theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải số 348.HĐTD1.010.19 ngày 30/8/2019. V đã giải ngân cho anh H số tiền trên. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 10/09/2020, anh H trả cho V tổng số tiền 146.741.164 đồng, trong đó tiền gốc là 87.504.000 đồng, tiền lãi là 59.237.164 đồng. Sau đó, V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho anh H trả nợ, nhưng anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ngày 15/12/2020, V ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với anh H, theo đó V quyết định thu hồi nợ trước hạn số nợ gốc còn lại vào ngày 18/12/2020. Quá thời hạn trên anh H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ toàn bộ số dư nợ gốc, lãi thì V sẽ chuyển nợ quá hạn. Tuy nhiên, anh H vẫn không thanh toán cho V. Ngày 24/12/2021, V chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn. V khởi kiện yêu cầu:

- Buộc anh Ngô Phi H trả cho V tạm tính đến ngày 10/12/2021 tổng số tiền là 719.450.100 đồng, trong đó nợ gốc 612.496.000 đồng, lãi trong hạn là 88.478.826 đồng, lãi quá hạn là 18.475.247 đồng.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 10/12/2021 cho đến khi anh H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp, V chưa yêu cầu giải quyết.

* Quá trình tố tụng bị đơn anh Ngô Phi H đã được Tòa án triệu nhiều lần nhưng không có mặt. Tại Biên bản xác minh ngày 02/12/2022 với ông Phạm Công Đăng (trưởng khu Vĩnh Lâm, phường Mạo Khê) và ông Nguyễn Thịnh Tú (trưởng khu Đoàn Kết, phường Mạo Khê) thể hiện: Anh Ngô Phi H có đăng ký hộ khẩu tại tổ 3, khu Vĩnh Lâm, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều. Năm 2007, anh H lấy vợ và mua nhà ở tại khu Đoàn Kết, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều. Khoảng năm 2015, anh H ly hôn vợ và sống cùng hai con tại ngôi nhà này. Tuy nhiên, khoảng 06 đến 07 tháng nay, địa phương không thấy anh H ở nhà và cũng không biết anh H đi đâu, làm gì, chỉ có ông Ngô Xuân Huệ (bố anh H) chăm sóc 02 con của anh H. Nhưng ông Huệ cũng không ở nhà của anh H. Tại biên bản xác minh ngày 02/12/2022, bà Phạm Thị Thường (trưởng khu Vĩnh Trung, phường Mạo Khê) cung cấp nội dung: khoảng năm 2018 ông Ngô Xuân Huệ có mua nhà đất sinh sống tại

khu Vĩnh Trung. Đến nay ông Huệ đã bán nhà đất, chuyển đi nơi khác ở, địa phương không biết ông Huệ ở đâu.

* Tại giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 453/UBND-XNTTHN ngày 30/8/2019 của UBND phường Mạo Khê có nội dung: Anh Ngô Phi H có kết hôn, nhưng đã ly hôn theo quyết định số 226/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều; hiện chưa đăng ký kết hôn với ai.

* Ngày 19/12/2022, Tòa án mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh H tiếp tục vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền của V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

* Ngày 24/3/2023, anh Ngô Phi H có bản tự khai: thống nhất nội dung như V đã trình bày về việc ký hợp đồng tín dụng, số tiền nợ gốc, nợ lãi đã trả và số tiền nợ gốc chưa trả, riêng về khoản nợ lãi anh H không lắm được.

Tại phiên tòa, V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh H trả cho V tổng số tiền là 903.454.050 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 612.496.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 27/4/2023): tiền lãi trong hạn là 91.258.665 đồng, tiền lãi quá hạn là 199.699.385 đồng. Do V yêu cầu anh H trả hết nợ gốc và lãi nên V đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng tín dụng số 348.HĐTD1.010.19 ngày 30/8/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tổng tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã đã thực hiện đúng quy định tại Điều 196, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền đã vay và tiền lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng ngày 30/8/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: V khởi kiện anh Ngô Phi H, yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận, ký kết và cho vay với mục đích mua sắm tài sản

nên xác định tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có nơi thường trú tại khu Vĩnh Lâm, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều và nơi ở tại khu Đoàn Kết, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều.

- Về việc sự vắng mặt bị đơn: bị đơn anh Ngô Phi H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

Ngày 30/8/2019, V ký hợp đồng tín dụng số 348.HĐTD1.010.19 với anh Ngô Phi H thỏa thuận V cho anh H vay số tiền 700.000.000 đồng, mục đích thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER BKS 14C-280.02, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày 31/8/2019 đến 30/8/2027, lãi suất: 9,5%/12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, hết 12 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm, lãi suất qua hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy Hợp đồng tín dụng và điều khoản cấp tín dụng được V và Anh Ngô Phi H ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 117, 119 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, V đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đủ số tiền cho vay và thời gian như đã thỏa thuận, nhưng anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 10/9/2020 anh H mới trả cho V tổng số tiền 146.741.164 đồng, trong đó tiền gốc là 87.504.000 đồng, tiền lãi là 59.237.164 đồng. Ngày 15/12/2020, V ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn, theo đó V quyết định thu hồi nợ trước hạn số nợ gốc còn lại vào ngày 18/12/2020. Tuy nhiên, anh H vẫn không thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ cho V. Ngày 24/12/2021, V chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn là phù hợp thỏa thuận tại Mục 4.1, 4.3 Điều 4 của Bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng. Như vậy, V khởi kiện buộc anh H trả số tiền gốc và lãi còn nợ là có căn cứ, cụ thể tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2023): buộc anh H trả cho V tổng số tiền là 903.454.050 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 612.496.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 91.258.665 đồng và tiền lãi quá hạn là 199.699.385 đồng.

Thời hạn thực hiện Hợp đồng tín dụng số 348.HĐTD1.010.19 ngày 30/8/2019 từ ngày 31/8/2019 đến ngày 30/8/2027. V khởi kiện buộc anh H trả toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn, nên việc V đề nghị tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 348.HĐTD1.010.19 ngày 30/8/2019 là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 422 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của V được chấp nhận nên bị đơn anh H phải chịu 39.103.621 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 4 Điều 422, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Chấm dứt thực hiện Hợp đồng tín dụng số 348.HĐTD1.010.19 ngày 30/8/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Q và anh Ngô Phi H.

Buộc anh Ngô Phi H trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 348.HĐTD1.010.19 ngày 30/8/2019 tính đến ngày 27/4/2023 là 903.454.050 đ (chín trăm linh ba triệu bốn trăm bốn mươi tư nghìn không trăm bốn mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 612.496.000đ (sáu trăm mười hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 91.258.665đ (chín mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) và tiền lãi quá hạn là 199.699.385đ (một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2023) cho đến khi thi hành án xong, anh Ngô Phi H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 348.HĐTD1.010.19 ngày 30/8/2019 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Anh Ngô Phi H phải chịu 39.103.621đ (ba mươi chín triệu một trăm linh ba nghìn sáu trăm hai mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Q 16.389.000đ (mười sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009757 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hiền

